

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/KDTM - ST

Ngày: 30/9/2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp
đồng bảo lãnh”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu ; Ông Nguyễn Minh Tân.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST- KDTM ngày 29/7/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST - DS ngày 13/9/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, Phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh B – Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp Miền B - Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý theo văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/04/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh B: Ông Ma Quang M – Cán bộ xử lý nợ; bà Hồ Thị Ngọc Á – Cán bộ xử lý nợ. (Theo giấy ủy quyền số 01/2025/UQN – VPB ngày 05/5/2025). (Có mặt bà Á).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T3; Địa chỉ trụ sở: Số nhà A Khu B, Phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.(nay là phường L, thành phố Hải Phòng). Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T - Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Trọng D1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn C, xã M, thành phố Hải Phòng). (vắng mặt).

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. (Nay là thôn C, xã M, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày:

Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018, Công ty TNHH T3 (gọi tắt là Công ty T3) có trụ sở chính tại: Số nhà A Khu B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) có vay vốn của V1, cụ thể như sau: Hạn mức cho vay: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng khác. Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ: 5 năm; Lãi suất cho vay trong hạn: 25%/năm. Mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 với một năm là 365 ngày. Lãi suất trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn Hạn mức tín dụng thẻ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Sau khi nhận được đề nghị của Công ty T3, V1 đã phê duyệt và đồng ý phát hành thẻ tín dụng vào ngày 06/6/2018 với tổng số tiền hạn mức thẻ là 90.000.000đ.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Theo Hợp đồng bảo lãnh số: HDG/22136/HDBL.01 ngày 05/07/2022; Hợp đồng bảo lãnh số HDG/22136/HDBL.02 ngày 05/07/2022, bên bảo lãnh là ông Nguyễn Trọng D1 và bà Phạm Thị T đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty T3 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 ký giữa Công ty T3 và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 20/9/2023. Do đó, V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan. V1 đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu Công ty T3 trả nợ nhưng công ty T3 không có trách nhiệm trả nợ cho V1.

Đến nay V1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty T3 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 30/9/2025 số tiền là: 136.827.010 đ (trong đó: Gốc: 61.025.647 đồng; Lãi trong hạn: 2.563.247đ; lãi quá hạn: 73.238.116đ). Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan nêu trên cho đến ngày Công ty T3 thực tế thanh toán hết nợ cho V1. Trong trường hợp Công

ty T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng D1 và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T3 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 ký kết giữa V1 và Công ty T3.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T3 đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh D1, anh D1 hiện nay đi đâu làm gì bà không biết. Trước khi anh D1 đi làm ăn thì vẫn sinh sống với vợ chồng bà tại thôn C, xã T, huyện C (N là xã M, thành phố Hải Phòng). Công ty TNHH T3 trước đây do vợ anh D1 là chị Nguyễn Thị T1 là giám đốc, sau đó anh D1 chị T1 ly hôn, anh D1 đã tự ý thay đổi thủ tục cho bà T là giám đốc. Bản thân bà T không biết công ty đặt trụ sở ở đâu, không tham gia hoạt động kinh doanh của công ty. Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty T3, bà T không biết Công ty vay tiền của Ngân hàng thời điểm nào, về chữ ký của bà tại giấy đề nghị kiêm phát hành sử dụng thẻ tín dụng bà không biết ký khi nào, có thể là do anh D1 nói nên bà ký cho và không để ý nên bà mới ký. Về hợp đồng bảo lãnh bà T xác định không biết ký khi nào, có phải chữ ký của bà hay không, bà không đề nghị giám định chữ ký. Vì bà T không được điều hành công ty, không được sử dụng số tiền vay nên không có trách nhiệm trả nợ và xin vắng mặt.

Tòa án giao cho bà T giấy triệu tập, các văn bản tố tụng bà T đã gọi điện thông báo cho anh D1 nhưng anh D1 bận công việc không về Tòa án tham gia tố tụng được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu quan điểm trình bày. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116, 117, 275, 280, 335, 336, 342; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V: Buộc Công ty TNHH T3 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho V1 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 136.827.010 đ (trong đó: Gốc: 61.025.647 đồng; Lãi trong hạn: 2.563.247đ; lãi quá hạn: 73.238.116đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 đã ký kết với V1 và Bảng điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN. Trường hợp Công ty T3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì bà Phạm Thị T và anh Nguyễn Trọng D1 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T3 theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/22136/HDBL.01 và HDG/22136/HDBL.02 ngày 05/7/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP V với bà Phạm Thị T và anh Nguyễn Trọng D1.

Về án phí: Công ty T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: V1 khởi kiện yêu cầu Công ty T3 thanh toán khoản tiền còn nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm đã ký kết; Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, Công ty T3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì bà Phạm Thị T và anh Nguyễn Trọng D1 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T3 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết. Do vậy xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh.

- Bị đơn Công ty T3 hiện nay có trụ sở tại số nhà A khu B, phường L, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T, anh D1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của V1:

[2.1]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: V1 khởi kiện yêu cầu Công ty T3 phải thanh toán khoản tiền gốc, lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018. Việc thỏa thuận ký kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nêu trên đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Sau khi giao kết hợp đồng, phía V1 đã giải ngân cho Công ty T3 tổng số tiền vay 90.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T3 đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi kể từ ngày 20/9/2023. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm Công

ty T3 còn nợ lại V1 tổng số tiền là 136.827.010 đ (trong đó: Nợ gốc: 61.025.647 đồng; Lãi trong hạn: 2.563.247đ; Lãi quá hạn: 73.238.116đ).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để trình bày quan điểm. Bà Phạm Thị T là người đại diện theo pháp luật của công ty cho rằng không biết khoản vay, không được sử dụng nên không có nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, Công ty T3 đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi kể từ ngày 20/9/2023, mặc dù V1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng công ty không thực hiện. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của V1 buộc Công ty T3 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền gốc, lãi còn nợ lại nêu trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 và Bảng điều kiện giao dịch chung về phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN.

[2.2]. Về nghĩa vụ bảo lãnh: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty T3 đối với V1 tại tất cả các văn kiện tín dụng đã ký kết, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Trọng D1 đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số: HDG/22136/HDBL.01 ngày 05/07/2022; Hợp đồng bảo lãnh số HDG/22136/HDBL.02 ngày 05/07/2022 với nội dung bên bảo lãnh là ông Nguyễn Trọng D1 và bà Phạm Thị T đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty T3 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký hợp đồng bảo lãnh. Điều này chứng tỏ ông D1, bà T đã đồng ý bảo lãnh cho khoản vay phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 ký giữa Công ty T3 và V1.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng không được sử dụng số tiền vay nên không có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T3. Anh Dũng không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và anh D1 đã tự nguyện ký kết hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay nêu trên của Công ty T3. Vì vậy, Trường hợp Công ty T3 không thanh toán khoản nợ nêu trên cho V1 thì bà Phạm Thị T và anh Nguyễn Trọng D1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T3 theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết giữa hai bên.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của V1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty T3 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, 117, 275, 280, 335, 336, 342; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1): Buộc Công ty TNHH T3 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền khoản vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 số tiền là: 136.827.010đ (trong đó: Nợ gốc: 61.025.647đ; Nợ lãi trong hạn: 2.563.247đ; Nợ lãi quá hạn: 73.238.116đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 250518 ngày 25/05/2018 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V (V1) và B1 điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN.

- **Về nghĩa vụ bảo lãnh:** Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, Công ty TNHH T3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì bà Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Trọng D1 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH T3 theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/22136/HDBL.01 và HDG/22136/HDBL.02 ngày 05/7/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với bà Phạm Thị T và anh Nguyễn Trọng D1.

2. Về án phí: Buộc Công ty T3 phải chịu 6.841.351đ (làm tròn) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (do bà Hồ Thị Ngọc Á nộp thay) theo biên lai thu số 0000004 ngày 17 tháng 7 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Chi cục THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu